TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BIÊN HÒA** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **200/**2018/HNGĐ-ST
Ngày: 16/7/2018
V/v: "Xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA-TỈNH ĐỒNG NAI

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Ngọc Tuyền
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Nhạn – Cán bộ hưu trí
Bà Thiều Thị Phi Loan – Nguyên cán bộ Hội liên hiệp phụ nữ thành phố Biên Hòa
- *Thư ký phiên tòa*: Ông Nguyễn Hữu Học - Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa - tỉnh Đồng Nai.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tham gia phiên tòa* : Không tham gia.

Ngày 16 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 295/2018/HNGĐ-ST ngày 24 tháng 01 năm 2018 về việc "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 202/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 416/2018/QĐST-HNGĐ ngày 28/6/2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Vũ Thị L** – Sinh năm 1984

Địa chỉ thường trú: 144/1A, khu phố 1, phường A, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ tạm trú: Thôn H, xã C, huyện C, tỉnh Hải Dương.

- Bị đơn: Ông **Trần Đế M** – Sinh năm 1978

Địa chỉ thường trú: 144/1A, khu phố 1, phường A, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ tạm trú: 80/21, tổ 36, khu phố 3, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

(Bà L có đơn xin xét xử vắng mặt, ông M vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai - nguyên đơn bà Vũ Thị L trình bày:

Bà và ông M tự nguyện chung sống với nhau năm 2003, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, nhưng sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bà và ông M bất đồng quan điểm sống, vợ chồng tính tình không hợp nhau. Nay bà xác định không còn tình

cảm với ông M, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà xin được ly hôn với ông M.

Về con chung: Có 01 con chung tên Trần Minh P, sinh ngày 20/10/2005. Ly hôn bà xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu P, không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận.

Về nợ chung: Không có.

- Tại bản tự khai – bị đơn ông Trần Đế M trình bày:

Ông và bà L tự nguyện chung sống với nhau năm 2003, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, nhưng sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng tính tình không hợp nhau. Nay bà L xin ly hôn thì ông đồng ý.

Về con chung: Ông và bà L có 01 con chung tên Trần Minh P, sinh ngày 20/10/2005. Trường hợp ly hôn thì hỏi ý kiến của con, nếu con muốn ở với ai thì người đó trực tiếp nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho ai.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận.

Về nợ chung: Không có.

- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa ban hành Văn bản số 1677/CV-VKS-DS ngày 21/6/2018 xác định: Các chứng cứ trong hồ sơ vụ án đều do đương sự cung cấp. Tòa án không tiến hành thu thập chứng cứ theo Điều 97 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 21, Điều 58 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định vụ án không thuộc trường hợp Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa đã cấp tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả về phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa theo quy định nhưng ông M vẫn vắng mặt không lý do, bà L có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông M, bà L theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà L, ông M kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn, nên được xác định là hôn nhân hợp pháp.

[3] Bà L, ông M sau khi kết hôn chung sống với nhau hạnh phúc một thời gian, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo bà L

trình bày do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng tính tình không hợp nhau. Nay bà xác định không còn tình cảm với ông M, mục đích hôn nhân không đạt được nên xin được ly hôn. Tòa án đã nhiều lần thông báo về phiên hòa giải để tạo điều kiện hòa giải cho bà L và ông M hàn gắn đoàn tụ, nhưng ông M vắng mặt không lý do, còn bà L vẫn cương quyết xin ly hôn, cho thấy mâu thuẫn đã thật sự trầm trọng. Hiện bà L xác định không còn tình cảm với ông M, tại bản tự khai ông M cũng đồng ý ly hôn. Xét thấy, mục đích hôn nhân không đạt được, việc bà L xin ly hôn với ông M là có căn cứ nên chấp nhận.

[4] Về con chung: Bà L, ông M có 01 con chung tên Trần Minh P, sinh ngày 20/10/2005. Hiện cháu P đang ở với mẹ, và có nguyện vọng được ở với mẹ. Ly hôn bà L xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu P, không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con chung và cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu P. Do đó tiếp tục giao cháu P cho bà L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành để tạo điều kiện ổn định về mọi mặt cho các cháu. Tạm thời ông M không cấp dưỡng nuôi con chung.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Theo bà L, ông M trình bày về tài sản chung để bà L, ông M tự thỏa thuận, nợ chung là không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Bà L phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí sơ thẩm bà L đã nộp tại biên lai số 006167 ngày 17/01/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa. Bà L đã nộp đủ án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 203; Điều 220; khoản 1 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Vũ Thị L và ông Trần Đế M.

Về nuôi con chung: Giao con chung tên Trần Minh P, sinh ngày 20/10/2005 cho bà Vũ Thị L trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời ông M không cấp dưỡng nuôi con chung.

Vì không trực tiếp nuôi con nên ông M được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

Vì quyền lợi của trẻ khi cần thiết các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Theo bà L, ông M trình bày về tài sản chung tự thỏa thuận, nợ chung là không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về án phí: Bà L phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí sơ thẩm bà L đã nộp tại biên lai số 006167 ngày 17/01/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa. Bà L đã nộp đủ án phí.

Bà L, ông M được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Ngọc Tuyền

Nơi nhận:
-VKS (2)
-THA DS (1)
-Lưu (6)
-Đương sự (2)
- UBND